

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 282/2021/DS-PT

Ngày 30/12/2021

*V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng, hợp đồng thế chấp  
quyền sử dụng đất, tài sản  
gắn liền với đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tăng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hồng Nước

Ông Sỹ Danh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
ông Nguyễn Tân Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 30/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X;

Trụ sở: Tầng, và , Tòa nhà M, Tây S, Quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ, Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn M, Chức vụ: Phó trưởng Phòng giao dịch Sa Đéc. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 80A/2018/UQ-GĐ ngày 20/3/2018.

Địa chỉ: Số, Hùng V, Phường ..., thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

**\* Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965;

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B:* Ông Nguyễn Phú K, sinh năm 1957. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2021. Địa chỉ: Số, Quốc lộ, khóm Phú H, thị trấn Cái Tàu H, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1962;

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé T:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020.

Cùng địa chỉ: Tổ , ấp An N, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Thạch S, sinh năm 1987 (con ông B);

2. Anh Nguyễn Văn Trọng A, sinh năm 1989 (con ông B);

3. Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1995 (con ông B);

Cùng địa chỉ: Tổ, ấp An N, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thạch S, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Hữu L:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020.

Cùng địa chỉ: Tổ, ấp An N, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Nguyễn Văn Bé S, sinh năm 1958;

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (vợ ông S);

6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 (con ông S);

7. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1984 (con ông S);

8. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (con ông S);

9. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990 (con ông S);

10. Chị Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1987 (dâu ông S);

Cùng địa chỉ: Ấp An T, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

11. Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1958;

12. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 (con ông S);

13. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1960 (Vợ ông S);

14. Anh Nguyễn Trường A3, sinh năm 1990 (con ông S);

Cùng địa chỉ: Ấp An N, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

\* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn B là bị đơn.

Ông K, ông M có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt. Riêng ông K vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/12/2021.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Tấn M, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP X trình bày:*

Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Sa Đéc theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 199/2010/HĐHM ngày 28-12-2010 và phụ kiện hợp đồng 01/199/2011/HĐHM ngày 02-6-2011, thời hạn cấp hạn mức 24 tháng, kể từ ngày 28-12-2010 đến 28-12-2012, hạn mức cho vay 1.000.000.000 đồng. Sau khi vay và trả, lần cuối ông Bảy, bà Tư đã nhận số tiền 550.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 06/199/2010/HĐTD ngày 30-5-2012, hạn trả nợ 30-11-2012, lãi suất 1,66%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; số tiền 450.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 07/199/2010/HĐTD ngày 12-6-2012, hạn trả nợ 12-12-2012, lãi suất 1,54%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; mục đích vay: bổ sung vốn nuôi cá.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông B, bà T ký hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 199A/HĐTC/2010 ngày 30-12-2010; số 199C/HĐTC/2011 ngày 08-6-2011, thế chấp các thửa đất: thửa 2412, tờ bản đồ 4, diện tích 5.351m<sup>2</sup>, đất lúa; thửa 2431, tờ bản đồ 4, diện tích 2.016m<sup>2</sup>, đất lúa (giấy chứng nhận QSD đất do ông B, bà Tư đứng tên); thửa 426, tờ bản đồ 19, diện tích 3.597m<sup>2</sup>, đất lúa; thửa 36, tờ bản đồ 6, diện tích 908m<sup>2</sup> (đất ở 400m<sup>2</sup>, cây lâu năm 508m<sup>2</sup>), giấy chứng nhận QSD đất do Hộ ông B đứng tên, tọa lạc tại ấp An Ninh, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay của ông Bảy, bà Tư. Cụ thể: Hợp đồng 199D/HĐBL/PGB, công chứng ngày 08-6-2011, ông S thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1141, tờ bản đồ 4, diện tích 2.500m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tọa lạc ấp An Ninh, xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp, giấy chứng nhận QSD đất do ông Nguyễn Trường S đứng tên, bảo đảm số tiền vay 300.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp 199B/HĐBL/PGB công chứng ngày 30-12-2010, ông S, bà N thế chấp thửa

1300, 2186, 1556, tờ bản đồ 4, diện tích 11.622m<sup>2</sup>, đất thổ, vườn, lúa, tọa lạc ấp An Thái, xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp, giấy chứng nhận QSD đất do ông Nguyễn Văn Bé S đứng tên, bảo đảm số tiền vay 350.000.000 đồng.

Sau khi nhận nợ, ông B, bà T có trả lãi ngày 29-9-2012 tổng cộng 49.080.000 đồng. Sau đó ngưng, không trả lãi, chưa trả vốn cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T, ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T liên đới trả cho Ngân hàng tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09-01-2020 là 1.842.118.000 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ. Chi tiết việc trả nợ theo từng tài sản đảm bảo như sau:

- Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Bé T: Trả số nợ gốc (theo tài sản đảm bảo) 350.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 09-01-2020 là 644.741.303 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 994.741.303 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Bé S và bà Nguyễn Thị N: Trả số nợ gốc (theo tài sản đảm bảo) 350.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 09-01-2020 là 644.741.303 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 994.741.303 đồng.

- Ông Nguyễn Trường S và anh Nguyễn Ngọc T: Trả số nợ gốc (theo tài sản đảm bảo) 300.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 09-01-2020 là 552.635.405 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 852.635.405 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP xác định lại yêu cầu: Yêu cầu ông B, bà T liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 3.017.325.525 đồng (trong đó: Vốn gốc 1.000.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 02-10-2020 là 2.017.325.525 đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi trả nợ xong.

Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất của các đương sự đã thế chấp cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp số 199A/HĐTC/2010 ngày 30-12-2010; 199C/HĐTC/2011 ngày 08-6-2011; 199D/HĐBL/PGB, công chứng ngày 08-6-2011; 199B/HĐBL/PGB công chứng ngày 30-12-2010, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng đồng ý trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T, ông S, bà N, ông S, anh T khi số nợ đã được thanh toán xong và tài sản không bị phát mãi để thi hành án.

*- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn B, là bị đơn, đại diện bị đơn, người liên quan trong Hộ trình bày:*

Ông B, bà T có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP X và nhờ ông S, bà N, ông S, anh T ký Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba, vay của Ngân hàng số tiền vốn 1.000.000.000 đồng như trình bày của đại diện nguyên đơn. Do việc làm ăn không thuận lợi, ông B bị bệnh, nên chưa có tiền trả cho Ngân hàng. Nay ông B thống nhất trả nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn, xin giảm toàn bộ lãi. Ông B thống nhất yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng.

*- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ông S, bà N có cho ông B mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03989 do Ủy ban Huyện cấp ngày 02-5-2003 diện tích 11.622m<sup>2</sup> tên Nguyễn Văn Bé S và có ký Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba, số 199B/HĐBL/PGB ngày 28-12-2010 (công chứng ngày 30-12-2010) nhưng không biết nội dung. Vì bà N và ông B là chị em ruột, nên chỉ biết ông B mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thế chấp Ngân hàng để vay tiền, không rõ số tiền ông B vay là bao nhiêu. Mặt khác, sau khi ký hợp đồng thế chấp, ông N, bà S về hỏi ý kiến các con (trong Hộ) thì các con của ông, bà không đồng ý. Nay ông S, bà N và những người trong Hộ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vì ông, bà không có vay tiền, những người trong Hộ không có ký tên vào hợp đồng thế chấp, yêu cầu xử lý tài sản của ông B, bà T để trả nợ.

*- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ, và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Trường A vắng mặt, không có văn bản trình bày.*

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng

và xử lý tài sản theo các Hợp đồng thế chấp số 199A/HĐTC/2010 ngày 30-12-2010; 199C/HĐTC/2011 ngày 08-6-2011; để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Tuyên vô hiệu một phần đối với: Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba, số 199D/HĐBL/PGB ngày 08-6-2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP X với bên thế chấp ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T; Hợp đồng số 199B/HĐBL/PGB ngày 30-12-2010 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP X với bên thế chấp ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N.

3. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X, số tiền 3.017.325.525 đồng (*Ba tỷ, không trăm mười bảy triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*: trong đó: vốn gốc 1.000.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 02-10-2020 là 2.017.325.525 đồng) và và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 199/2010/HĐHM ngày 28-12-2010; Phụ kiện hợp đồng 01/199/2011/HĐHM ngày 02-6-2011, đến khi ông B, bà T thanh toán nợ xong.

4. Ngân hàng TMCP X được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất:

- Diện tích 5.351m<sup>2</sup>, đất lúa, thửa 2412, tờ bản đồ 4; diện tích 2.016m<sup>2</sup>, đất lúa, thửa 2431, tờ bản đồ 4 (giấy chứng nhận QSD đất số H00669 cấp ngày 01-6-2006, số H00654 cấp ngày 24-4-2007 do ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T đứng tên); diện tích 3.597m<sup>2</sup>, đất lúa, thửa 426, tờ bản đồ 19; diện tích 908m<sup>2</sup> (đất ở 400m<sup>2</sup>, cây lâu năm 508m<sup>2</sup>); thửa 36, tờ bản đồ 6 (giấy chứng nhận QSD đất số CH00511, CH00512 cùng ngày 18-01-2011 do Hộ ông Nguyễn Văn B đứng tên); theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số 199A/HĐTC/2010 ngày 30-12-2010; 199C/HĐTC/2011 ngày 08-6-2011;

- Diện tích 1.250m<sup>2</sup>, thửa 1141, tờ bản đồ 4 đất ở nông thôn, tọa lạc ấp An Ninh, xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp (giấy chứng nhận QSD đất số 01728 cấp ngày 08-7-1994 tên Nguyễn Trường S); theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba, số 199D/HĐTC/2010 ngày 02-6-2011;

- Diện tích 3.874m<sup>2</sup> (2/6 của 11.622m<sup>2</sup>) tại các thửa 1556, 2186, 1300, tờ bản đồ 4, đất thổ, vườn, lúa, tọa lạc ấp An Thái, xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp (giấy chứng nhận QSD đất số 03989 cấp ngày 02-5-2003, tên Nguyễn Văn Bé S) theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo

cho bên thứ ba, số 199B/HĐTC/2010 ngày 28-12-2010, công chứng ngày 30-12-2010;

Đề thu hồi nợ.

5. Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đồng Tháp-Phòng giao dịch Sa Đéc, có trách nhiệm trả lại các giấy tờ về tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T, ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T theo các Hợp đồng thế chấp số 199A/HĐTC/2010 ngày 30-12-2010; 199C/HĐTC/2011 ngày 08-6-2011; 199D/HĐBL/PGB, công chứng ngày 08-6-2011; 199B/HĐBL/PGB công chứng ngày 30-12-2010, trong trường hợp tài sản thế chấp không bị phát mãi và Ngân hàng đã thu hồi nợ xong.

6. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T, anh Nguyễn Thạch S, anh Nguyễn Văn Trọng A, anh Nguyễn Hữu L giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất: Diện tích 5.351m<sup>2</sup>, đất lúa, thửa 2412, tờ bản đồ 4; diện tích 2.016m<sup>2</sup>, đất lúa, thửa 2431, tờ bản đồ 4 (giấy chứng nhận QSD đất số H00669 cấp ngày 01-6-2006, số H00654 cấp ngày 24-4-2007 do ông Nguyễn Văn Bảy, bà Nguyễn Thị Bé Tư đứng tên); diện tích 3.597m<sup>2</sup>, đất lúa, thửa 426, tờ bản đồ 19; diện tích 908m<sup>2</sup> (đất ở 400m<sup>2</sup>, cây lâu năm 508m<sup>2</sup>); thửa 36, tờ bản đồ 6 ( giấy chứng nhận QSD đất số CH00511, CH00512 cùng ngày 18-01-2011 do Hộ ông Nguyễn Văn B đứng tên) cho Ngân hàng TMCP X để thu hồi nợ.

7. Buộc ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T giao diện tích 1.250m<sup>2</sup> đất của thửa 1141, tờ bản đồ 4 đất ở nông thôn, tọa lạc ấp An Ninh, xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp, giấy chứng nhận QSD đất số 01728 cấp ngày 08-7-1994 tên Nguyễn Trường Sơn, cho Ngân hàng TMCP X để thu hồi nợ.

8. Buộc ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N, giao diện tích 3.874m<sup>2</sup> (2/6 của 11.622m<sup>2</sup>) tại các thửa 1556, 2186, 1300, tờ bản đồ 4, đất thổ, vườn, lúa, tọa lạc ấp An Thái, xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp, giấy chứng nhận QSD đất số 03989 cấp ngày 02-5-2003, tên Nguyễn Văn Bé Sáu, cho Ngân hàng TMCP X để thu hồi nợ.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

9.1. Ngân hàng TMCP X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP X đã nộp theo biên lai số 03152 ngày 15-6-2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, được trừ vào án phí phải nộp. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 39.750.000 đồng.

9.2. Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T phải liên đới chịu 92.346.511 đồng (*Chín mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm mười một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 100.000 đồng, Ngân hàng TMCP X tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

11. Về chi phí đăng tin: Ngân hàng TMCP X phải chịu tổng chi phí đăng tin trên báo, đài trung ương là 5.140.000 đồng. (Ngân hàng đã nộp xong.)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2020 ông Nguyễn Văn B là bị đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Ông Bẫy yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xem xét lại phần lãi suất, miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Phú K là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B xác định kháng cáo là không có yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét khoản tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông B trả và ông B xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thống nhất, miễn tiền lãi chậm trả lãi tính đến ngày 02/10/2020 là 93.618.858 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông B và bà Bé T trả vốn, lãi tính đến ngày 02/10/2020 là 2.923.706.667 đồng. Ông Nguyễn Phú K là người đại diện cho ông B, thống nhất ông B trả cho Ngân hàng vốn, lãi tính đến ngày 02/10/2020 là



2.923.706.667 đồng, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông B.

Xét kháng cáo của ông B xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, ngày 29/3/2021 ông B có đơn xin miễn tiền án phí, ngày 09/4/2021 ông B có tờ tường trình mẹ của ông B là bà Phạm Thị C có công trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huân Chương kháng chiến hạng Ba và hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông B thật sự khó khăn. Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông B.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa án sơ thẩm là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng và xử lý tài sản theo các Hợp đồng thế chấp số 199A/HĐTC/2010 ngày 30-12-2010; 199C/HĐTC/2011 ngày 08-6-2011; để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Tuyên vô hiệu một phần đối với: Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba, số 199D/HĐBL/PGB ngày 08-6-2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP X với bên thế chấp ông Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Ngọc T; Hợp đồng số 199B/HĐBL/PGB ngày 30-12-2010 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP X với bên thế chấp ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị N.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP X với ông Nguyễn Văn B.

4. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X, số tiền 2.923.706.667 đồng (*Hai tỷ chín trăm hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*): trong đó: vốn gốc 1.000.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 02-10-2020 là 1.923.706.667 đồng) và tiếp tục tính lãi từ ngày 03-10-2020 theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 199/2010/HĐHM ngày 28-12-2010; Phụ kiện hợp đồng 01/199/2011/HĐHM ngày 02-6-2011, đến khi ông B, bà T thanh toán nợ xong.

#### 5. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông B là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008105 ngày 15/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tạng**